

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/ 2022/HS-ST
Ngày 30-12- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Nhung- Giáo viên hưu trí;

Bà Doãn Thị Vệ - Giáo viên hưu trí;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn K, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2005 tại Vĩnh Phúc; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Cao C và bà La Thị P; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

*Người đại diện cho bị cáo K:

Bà La Thị P, sinh năm 1986;

Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1985;

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo K: Bà Phan Thị Kim L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

* Bị hại: Anh Nguyễn Đức T, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2005;

Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người giám hộ của anh T là bà Đỗ Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (Là mẹ đẻ của anh T). Có đơn xin xét xử vắng mặt;

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà La Thị P, sinh năm 1986; có mặt

- Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1985; có mặt

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

* Người làm chứng:

- Cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2006;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội

Người giám hộ của cháu Đ là chị Nguyễn Thị B; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện M, T.P Hà Nội (Mẹ đẻ cháu), đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 22/6/2022, Nguyễn Đức T và anh Nguyễn Tuấn Đ cùng nhau đi uống rượu tại khu đô thị Đồng Sơn, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi ăn uống xong, anh Đ đi uống bia tiếp cùng với người khác, khi đi anh Đ bỏ quên 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng, số IMEI: 352855110164929 của mình tại quán nên đã nhờ T cầm giúp hôm khác lấy lại sau (điện thoại anh Đ để ở chế độ máy bay). Nguyễn Đức T đồng ý, cầm điện thoại của anh Đ rồi đi chơi điện tử ở gần khu vực cổng công ty Honda. Tại đây, T gặp bạn là Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Đ, sau khi chơi xong T rủ K và Đ về nhà của T tại tổ 2, phường T, thành phố P để ngủ thì K và Đ đồng ý. Khi về đến nhà T để Chiếc điện thoại của anh Nguyễn Tuấn Đ tại bàn uống nước phòng khách tầng 1, sau đó nằm ngủ tại giường trong

phòng khách tầng 1, còn K và Đ ngủ tại giường trên phòng ngủ tầng 2 nhà của T.

Đến khoảng 04 giờ 00 ngày 23/6/2022, K ngủ dậy sau đó đi xuống bàn uống nước dưới tầng 1 nhà T để hút thuốc, uống nước. Lúc này K nhìn thấy Chiếc điện thoại Iphone 11 Promax của anh Nguyễn Tuấn Đ đã được anh T cầm, giữ hộ trước đó để trên mặt bàn uống nước. Thấy anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Văn Đ và mọi người đang ngủ say, K nảy sinh ý định trộm cắp Chiếc điện thoại trên, nên K cầm Chiếc điện thoại tháo bỏ Chiếc ốp điện thoại và thẻ căn cước công dân của anh Nguyễn Tuấn Đ để bên trong Chiếc ốp ra mặt bàn. Còn Chiếc điện thoại K cất vào Túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đi lên phòng ngủ tầng 2 nhà T, K cất giấu Chiếc điện thoại vừa trộm cắp được xuống phía dưới Chiếc chăn để ở đầu giường rồi nằm ngủ tiếp chờ cơ hội đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, anh T tỉnh dậy không thấy Chiếc điện thoại của anh Nguyễn Tuấn Đ gửi đâu, nên đã đi tìm nhưng không thấy. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T đi lên phòng ngủ tầng 2 gọi K và Đ dậy để hỏi xem có ai cầm Chiếc điện thoại mà anh Nguyễn Tuấn Đ đã gửi T giữ hộ hay không, thì K và Đ đều trả lời là không cầm. Sau đó, T đi chơi điện tử, còn K và Đ đi uống nước tại khu đô thị Đồng Sơn, thành phố Phúc Yên.

Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, biết rõ thời điểm này T và mọi người trong gia đình đều không có mặt ở nhà và khi đi vắng gia đình T thường chỉ khép cửa xếp, không khóa cửa. Nên K hỏi mượn 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 20N7-0717 của bạn gái là Đặng Thanh T, sinh năm 2005, trú tại: Tổ 4, phường X, thành phố P nói đi có tý việc. Mượn được xe, K một mình điều khiển xe mô tô đi về nhà T mở cửa vào bên trong nhà, đi lên phòng ngủ trên tầng hai lấy Chiếc điện thoại mà K đã trộm cắp rồi cất giấu dưới chăn để ở đầu giường trước đó cùng ngày. Sau đó, K cầm theo Chiếc điện thoại vừa trộm cắp được, một mình điều khiển xe mô tô đi đến khu vực xã H, huyện S, thành phố Hà Nội để tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, K vào cửa hàng điện thoại “CU CÒ Mobile” gặp chị Nguyễn Thị Kim C là chủ cửa hàng. K nói dối chị C là K có Chiếc điện thoại, do đổi máy không dùng nữa nên muốn bán, thấy Chiếc điện thoại đã cũ, vỏ và thân máy có nhiều vết xước nên chị C đồng ý mua Chiếc điện thoại trên với giá 4.000.000 đồng, sau khi nhận đủ số tiền 4.000.000 đồng từ chị C, K đi xe mô tô về trả cho chị T rồi đi chơi điện tử tiêu sài hết số tiền đó. Sau khi mua được Chiếc điện thoại của K, khoảng 01-02 ngày sau (chị C không nhớ chính xác ngày), có người khách lạ mặt không quen biết đến sửa chữa điện thoại hỏng nên chị C đã tháo màn hình cảm ứng của Chiếc điện thoại đã mua được của K bán cho người khách lạ được số tiền 2.000.000 đồng. Đến 14 giờ 00 ngày 25/6/2022, anh Nguyễn Tuấn Đ tiếp tục đến nhà T đòi điện thoại và hỏi T, K và Nguyễn Văn Đ, xem có ai lấy Chiếc điện thoại nêu trên không thì T, Đ và K đều

nói là không lấy. Sau khi biết được Chiếc điện thoại mà anh Nguyễn Tuấn Đ nhờ T giữ hộ đã bị mất, nên bà Đỗ Thị T là mẹ của T đã cùng T đến Công an trình báo toàn bộ sự việc. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn K đến để làm việc, tại đây Nguyễn Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim C, quá trình điều tra làm rõ, khi mua Chiếc điện thoại của K, chị C không biết Chiếc điện thoại đó là tài sản do K trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với chị Đặng Thanh T, khi cho K mượn xe mô tô, chị T không biết K mượn xe để về nhà T lấy điện thoại đã trộm cắp được đem đi tiêu thụ nên không đề cập xem xét xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ, khi K trộm cắp Chiếc điện thoại, Nguyễn Văn Đ không biết và không tham gia nên không đề cập xem xét xử lý.

**Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng*

Ngày 28/6/2022, chị Nguyễn Thị Kim C đã giao nộp cho Cơ quan Công an 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh đã bị tháo mất màn hình cảm ứng, có số IMEI: 352855110164929. Riêng phần màn hình cảm ứng của máy, do chị C đã tháo ra để thay thế bán linh kiện cho 01 người khách không biết tên tuổi, địa chỉ nên không thu giữ được.

Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố Phúc Yên, nội dung: *01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng, số IMEI: 352855110164929, tại thời điểm ngày 23/6/2022 có giá trị là 12.000.000 đ.*

Ngày 26/7/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Đức T 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max màu xanh đã bị tháo mất phần màn hình cảm ứng, có số IMEI: 352855110164929. Sau khi nhận được Chiếc điện thoại trên, anh Nguyễn Đức T và anh Nguyễn Tuấn Đ đã đi bán Chiếc điện thoại trên được số tiền 2.000.000 đồng (Nguyễn Tuấn Đ cầm toàn bộ số tiền này).

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, biết K là người trộm cắp Chiếc điện thoại của mình nên anh Nguyễn Tuấn Đ đã thống nhất với T và K về việc người có trách nhiệm phải bồi thường, cụ thể: K phải bồi thường đủ cho anh Nguyễn Tuấn Đ số tiền 10.000.000 đồng là trị giá số tiền còn thiếu của Chiếc điện thoại bị mất trộm nêu trên và chị Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả đủ 2.000.000 đồng là phần còn thiếu của số tiền chị C đã trả cho K khi mua điện thoại. Nhưng do bị cáo K đến nay chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng để bồi thường, nên bị cáo đã nhờ mẹ là bà La Thị P đứng ra bồi thường cho anh Đ và chị C. Sau khi

hồ sơ vụ án được chuyển sang Tòa án ngày 22/12/2022 và ngày 27/12/2022 bà P đã bồi thường cho anh Đ 10.000.000đồng và chị C 2.000.000đồng, nay anh Đ và chị C không có yêu cầu gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSPY ngày 09 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Văn K về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Nguyễn Văn K; sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 09 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K là bà Phan Thị Kim Liên- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc trình bày lời bào chữa: Nhất trí với Bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn K. Tuy nhiên xét thấy bị cáo K phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế dẫn đến có hành vi sai lệch, vi phạm pháp luật. Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự đáng nhận được sự khoan hồng của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự; cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa thành người có ích cho xã hội.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa và người đại diện cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Bản kết luận định giá phù hợp với vật chứng đã thu giữ hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 23/6/2022, tại nhà anh Nguyễn Đức T, địa chỉ: tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn K, sinh ngày 15/01/2005 (khi phạm tội mới đủ 17 tuổi, 05 tháng 08 ngày), đã có hành vi trộm cắp 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng trị giá 12.000.000 đồng do anh T đang quản lý, sau đó đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn K đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, cụ thể: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 02/CT - VKSPY ngày 09 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Do vậy cần phải đưa ra để xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo phạm tội ngày 23/6/2022 khi đó mới 17 tuổi, 05 tháng 08 ngày, bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên nên việc nhận thức và hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã nhờ mẹ là bà La Thị P bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Tuấn Đ và chị Nguyễn Thị Kim C; chị C và anh Đ đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định rõ ràng, khi phạm tội là người chưa thành niên. Nên cần cho bị cáo nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Không cần thiết bắt bị cáo phải

chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo K, anh Nguyễn Đức T và anh Nguyễn Tuấn Đ đã thống nhất K phải bồi thường cho anh Đ số tiền 10.000.000đ là trị giá số tiền còn thiếu của Chiếc điện thoại bị mất trộm cắp và bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim C 2.000.000đồng là phần còn thiếu của số tiền chị C đã trả cho K khi mua điện thoại. Nhưng do bị cáo K đến nay chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng để bồi thường, nên bị cáo đã nhờ mẹ là bà La Thị P bồi thường cho anh Đ và chị C. Ngày 22/12/2022 và ngày 27/12/2022 bà P đã bồi thường cho anh Đ 10.000.000đồng và chị C 2.000.000đồng, nay anh Đ và chị C không có yêu cầu gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nay bà P không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với chị Nguyễn Thị Kim C, khi mua Chiếc điện thoại của K, chị C không biết Chiếc điện thoại đó là tài sản do trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với chị Đặng Thanh T, khi cho K mượn xe mô tô, chị T không biết K mượn xe để về nhà T lấy điện thoại đã trộm cắp được sau đó đem đi tiêu thụ nên không đề cập xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ, khi K trộm cắp Chiếc điện thoại, Nguyễn Văn Đ không biết và không tham gia nên không đề cập xem xét xử lý là phù hợp.

[7] Bị cáo là người chưa thành niên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp;

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn K 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Phúc Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THỊ THÚY